

Đơn vị tổ chức Hội thảo



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



Đơn vị tài trợ Chuỗi sự kiện



TÀI LIỆU SỰ KIỆN

I HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ 03

KIỂM SOÁT THỜI HẠN GIAO NỘP CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG TRỌNG TÀI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025





CHUỖI HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ VÀ DIỄN ĐÀN KHOA HỌC VỀ TRỌNG TÀI - HOÀ GIẢI 2025

Đơn vị tổ chức Hội thảo



TRUNG TÂM TRỌNG TÀI
QUỐC TẾ VIỆT NAM



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Đơn vị tài trợ Chuỗi sự kiện



Hội thảo chuyên đề 3

KIỂM SOÁT THỜI HẠN GIAO NỘP CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG TRỌNG TÀI



13h00 - 16h35

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 (Thứ Sáu)



Phòng A114, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM
(669 Đỗ Mười, Khu phố 6, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP.HCM)

Hội thảo hướng tới mục tiêu cung cấp các góc nhìn, đánh giá đa chiều về hoạt động thu thập và cung cấp chứng cứ, đặc biệt nhấn mạnh vào vấn đề về kiểm soát thời gian. Thông qua tham luận của các chuyên gia, quy định pháp luật và vấn đề phát sinh trên thực tiễn sẽ được phân tích, thảo luận. Cùng với đó, các kiến nghị về điều chỉnh, hoàn thiện khung pháp lý cũng được đưa ra trên cơ sở nhận định những bất cập còn tồn tại và tiếp thu, chọn lọc kinh nghiệm từ quy định pháp luật của một số quốc gia điển hình trên thế giới.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
13:00 - 13:30	Đón tiếp khách mời, đại biểu tham dự
13:30 - 13:40	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
13:40 - 14:00	Phát biểu khai mạc - TS. Đào Gia Phúc - Viện Trưởng Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - LS. Châu Việt Bắc - Phó Giám đốc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, kiêm Phó Tổng Thư ký Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam
14:00 - 14:20	Tham luận 1: Kiểm soát thời hạn cung cấp chứng cứ: Quy định và thực tiễn vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Trình bày: Bà Ủ Thị Bạch Yến - Nguyên Thẩm phán Tòa Kinh tế, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trọng tài viên VIAC
14:20 - 14:40	Tham luận 2: Quản lý chứng cứ từ hai góc nhìn: Luật sư và Người phán xử. Trình bày: PGS. TS. Võ Trí Hào - Chuyên gia Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, Trọng tài viên VIAC
14:40 - 14:50	Giải lao
14:50 - 15:10	Tham luận 3: Một số vấn đề về thời hạn cung cấp chứng cứ trong tố tụng trọng tài. Trình bày: TS. Lê Nguyễn Gia Thiện - Phó Trưởng Khoa Luật, Trưởng nhóm nghiên cứu Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

THỜI GIAN	NỘI DUNG
15:10 – 15:30	Tham luận 4: Áp dụng chế tài nhằm kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ: Sự cần thiết và khuyến nghị áp dụng tại Việt Nam. Trình bày: LS. Nguyễn Thị Thanh Minh – Cố vấn cấp cao, Trưởng bộ phận Giải quyết tranh chấp ACSV Legal
15:30 – 16:30	Thảo luận và giải đáp câu hỏi
16:30 – 16:35	Phát biểu bế mạc Hội thảo



Tài liệu Hội thảo chuyên đề 03



Thông tin Chuỗi sự kiện AMS 2025

Thông tin chung về

CHUỖI HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ VÀ DIỄN ĐÀN KHOA HỌC VỀ TRỌNG TÀI – HÒA GIẢI NĂM 2025

Chuỗi Hội thảo chuyên đề và Diễn đàn Khoa học về trọng tài – Hòa giải là chuỗi hoạt động học thuật thường niên được VIAC và các đối tác triển khai, hướng đến cung cấp diễn đàn trao đổi chuyên môn hữu ích; góp phần hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tham gia giải quyết tranh chấp và hoàn thiện khung pháp lý về ADRs tại Việt Nam. Đặt trọng tâm xoay quanh chủ điểm “Quản trị thời gian trong tố tụng trọng tài: Yêu cầu từ thực tiễn và công cụ thực hiện”, VIAC cùng các đối tác sẽ tập trung khai thác những chủ đề như sau:

- **Hội thảo chuyên đề 1:** Thời gian giải quyết tranh chấp tại trọng tài và tác động từ các thủ tục tố tụng có liên quan – Ngày 14/3/2025
- **Hội thảo chuyên đề 2:** Chiến lược rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thông qua phương thức trọng tài và hòa giải – Ngày 21/3/2025
- **Hội thảo chuyên đề 3:** Kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ trong tố tụng trọng tài – Ngày 28/3/2025
- **Diễn đàn khoa học Trọng tài – Hòa giải:** Quản trị thời gian trong tố tụng trọng tài: Yêu cầu từ thực tiễn và các công cụ thực hiện – Ngày 4/4/2025





PGS. TS. LÊ VŨ NAM

Phó Hiệu trưởng

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

PGS. TS. Lê Vũ Nam là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL). Đồng thời, ông cũng là Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC).

PGS. TS. Lê Vũ Nam có hơn 25 năm kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn pháp luật về doanh nghiệp, tài chính - ngân hàng - thuế và chứng khoán. Ông thực hiện nhiều nghiên cứu về hệ thống tư pháp của Việt Nam với một số công trình nghiên cứu tiêu biểu, được xuất bản trong nước và quốc tế. Ngoài ra, ông cũng tham gia xây dựng, góp ý nhiều quy định pháp luật tại Việt Nam, điển hình như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,...

LS. CHÂU VIỆT BẮC

Phó Tổng Thư ký

Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)



Với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trọng tài và hòa giải tại VIAC, ông Bắc là phụ trách tố tụng, tham gia quản lý hàng nghìn vụ tranh chấp trọng tài trong và ngoài nước của VIAC tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh từ 2010 đến nay.

Ông Bắc là thành viên soạn thảo các Quy tắc trọng tài 2011, 2017 của VIAC và trực tiếp quản lý các vụ tranh chấp phức tạp, trị giá lớn theo Quy tắc trọng tài VIAC và vụ việc trọng tài adhoc theo Quy tắc trọng tài Uncitral. Là người có nhiều kinh nghiệm am hiểu sâu sắc thị trường trọng tài, hòa giải tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và phía Nam, ông Bắc đã tham gia điều phối hàng trăm sự kiện, phát triển mạng lưới đa dạng đối tác chiến lược của VIAC, thúc đẩy sự phát triển của phương thức giải quyết tranh chấp ADR trong cộng đồng luật sư và doanh nghiệp.

Diễn giả



PGS. TS. VÕ TRÍ HÀO

Chuyên gia Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh,

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (UEL),

Trọng tài viên VIAC

TS. Võ Trí Hào tốt nghiệp Cử nhân và Thạc sĩ Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Ngoài ra, ông còn tham gia khóa đào tạo về Chính trị học tại trường Đại học Massachusetts. Năm 2011, ông lấy bằng Tiến sĩ Luật tại trường Đại học Tự do Berlin, Đức.

TS. Võ Trí Hào từng là giảng viên chuyên ngành Luật hành chính, Luật Hiến pháp, Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Pháp lý tại Khoa Luật, Khoa Luật kinh doanh tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

TS. Hào cũng đã xuất bản nhiều ấn phẩm về Luật pháp, Chính trị học và các vấn đề thực tiễn liên quan trên các tờ báo, tạp chí trong và ngoài nước, như Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (Văn phòng Quốc hội Việt Nam), Europe Study Magazine, v.v.



TS. LÊ NGUYỄN GIA THIỆN

**Phó Trưởng Khoa Luật, Trưởng nhóm nghiên cứu
Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh,
Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (UEL)**

TS. Lê Nguyễn Gia Thiện là Phó trưởng Khoa Luật, kiêm Trưởng nhóm nghiên cứu Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM. Ông có bằng Tiến sỹ Luật (xếp loại cum laude) do Đại học Osnabrück, Cộng hòa Liên bang Đức cấp và hiện là Phó Chủ tịch Học viện Trọng tài STAC Academy, ...

Ông tham gia và hoàn thành nhiều khóa học chuyên sâu về trọng tài và hòa giải tại Châu Âu, đóng góp gần 50 công trình khoa học là các sách chuyên sâu và bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật trong và ngoài nước. Ông Thiện là Trọng tài viên, Hòa giải viên và Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trung tâm Trọng tài Thương mại phía Nam (STAC), Trung tâm Trọng tài Thương mại TP.HCM (TRACENT), Trung tâm Trọng tài Quốc tế Á Châu (AIAC, Malaysia), ...



BÀ Ủ THỊ BẠCH YẾN

**Nguyên Thẩm phán Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh,
Trọng tài viên VIAC**

Bà Ủ Thị Bạch Yến có nhiều năm kinh nghiệm tham gia công tác xét xử các vụ tranh chấp về Dân sự và Kinh doanh thương mại tại Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bà Yến hiện đang là Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, đã tham gia giải quyết nhiều vụ tranh chấp ở đa dạng các lĩnh vực.



LS. NGUYỄN THỊ THANH MINH

**Cố vấn cấp cao, Trưởng bộ phận Giải quyết tranh chấp
ACSV Legal**

Bà Nguyễn Thị Thanh Minh là Cố vấn cấp cao và Trưởng bộ phận Giải quyết tranh chấp của ACSV Legal. Bà Minh bắt đầu làm việc tại ACSV Legal từ năm 2019 sau khi đã có hơn mười năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty luật và tập đoàn đa quốc gia, trong đó có một công ty thuộc nhóm Magic Circle. Bà cũng từng giữ vị trí Quản lý Pháp chế Khu vực Đông Nam Á và New Zealand của công ty bia lớn nhất trên thế giới.

Bà Minh lấy bằng Thạc sỹ vào năm 2017 về Trọng tài Quốc tế từ Trường Đại học Pepperdine theo chương trình học bổng Fulbright với thành tích xuất sắc. Năm 2023, bà tham gia khóa học Trọng tài Thương mại Quốc tế chuyên sâu tại Trường Đại học Luật Harvard. Là Trưởng Bộ phận Giải Quyết Tranh Chấp của ACSV Legal, bà Minh đã trực tiếp tư vấn và đại diện khách hàng trong các vụ kiện trọng tài có giá trị lên đến hàng triệu đô-la Mỹ tại SIAC, ICC và VIAC. Dưới sự dẫn dắt của Bà Minh, ACSV Legal đã được Tạp chí Legal 500 vinh danh trong nhóm công ty luật đứng thứ 3 tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực tố tụng trọng tài theo công bố của Tạp chí năm 2025.

Bà Minh hiện đang là thành viên của Hội đồng Young SIAC của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, thành viên của Hội đồng Khoa học pháp lý của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. Bà cũng là Giảng Viên thỉnh giảng cho Chương trình Thạc Sỹ Luật Dân Sự - một chương trình liên kết giữa Trường Đại Học Kinh Tế - Luật và Đại Học Paris 1 Pantheon-Sorbonne từ năm 2019.

Tham luận

Quản lý chứng cứ từ hai góc nhìn: Luật sư và Người phán xử

PGS.TS. Võ Trí Hào

*Chuyên gia Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh,
Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh,
Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam*

1. Các nguyên tắc định hình quy tắc nộp, sử dụng, đánh giá chứng cứ trong tố tụng, định hình chiến lược quản lý chứng cứ

Với một người có đạo đức và tin vào đạo đức họ thường cho rằng: sự thật khách quan và lương tri chung (common sense) là đủ, bởi vì pháp luật nào rồi cũng phải tôn trọng quy luật khách quan và nếu chà đạp lên lương tri chung thì pháp luật đó sẽ sớm bị thay thế bởi pháp luật tiến bộ. Nhưng ở đâu đó trên thế giới này, vẫn luôn có những quy định pháp luật rất tréo ngoe làm cho người ta rơi vào tình thế tức tưởi. Thế là người ta đổ đi học luật, với hy vọng biết được cái tréo ngoe mà tránh.

Và sau khi học thuộc luật thực định (statue law) và hiểu rõ sự thật khách quan (fact), bước chân vào hành nghề, người ta mới té ngã ra rằng người phán xử, bất kể đó là bồi thẩm đoàn, thẩm phán hay trọng tài viên, còn lắng nghe đối tụng của mình trình bày hai thứ khác: chứng cứ (evidence) và lập luận/ tranh luận (reasoning hay argument) để đi đến phán quyết cuối cùng. Chứng cứ và tranh luận là điều còn thừa văng trong các giáo trình luật học theo truyền thống Xô – Viết hay Civil Law (Đức, Pháp) nói chung – nơi không coi trọng án lệ, và có truyền thống rằng bản án dành rất ít trí tuệ, thời lượng cho phần phân tích, nhận định. Tuy nhiên bài viết này, chỉ có thể tập trung nói về một khía cạnh nhỏ của chứng cứ (evidence): quản lý chứng cứ trong tố tụng trọng tài, nhưng các đặc điểm, nguyên lý này cũng có thể mở rộng, áp dụng ở các lĩnh vực tố tụng khác.

Quản lý chứng cứ được xây dựng dựa trên điểm cân bằng giữa một số nguyên tắc, yêu cầu, thái cực trái ngược nhau: phán quyết, quyết định về vụ án phải dựa trên sự thật khách quan và nguyên tắc công lý đòi hỏi phải nhanh chóng; các phán quyết phải tạo “bình an pháp luật” làm tiền đề cho ổn định xã hội.

1.1. Phán quyết, quyết định về vụ án phải dựa trên sự thật khách quan

Điều đầu tiên, trong mọi lĩnh vực, hoạt động tố tụng phải tôn trọng sự thật khách quan, dựa trên sự thật khách quan. Hầu hết người trong cuộc, như nạn nhân và tội phạm, nguyên đơn và

Kiểm soát thời hạn cung cấp chứng cứ:

Quy định và thực tiễn vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án

Bà Ủ Thị Bạch Yến

*Nguyên Thẩm phán Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh,
Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam*

Sau gần 9 năm có hiệu lực của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS) đã đáp ứng được các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, và một trong các thủ tục tố tụng không thể không đề cập đến là thu thập chứng cứ tại Tòa án. Mặc dù, trình tự thủ tục và thời hạn thu thập chứng cứ được quy định cụ thể, tuy nhiên khi áp dụng trong thực tiễn vẫn có một số hạn chế nhất định, không khả thi ảnh hưởng đến thời hạn xét xử của Tòa án cũng như quyền lợi của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong vụ án đang tranh chấp.

Thông qua bài viết này, tác giả sẽ dẫn chứng những hạn chế gặp phải trong khi áp dụng các quy định về thu thập chứng cứ được quy định trong BLTTDS.

Thực tiễn cho thấy, rất khó để đảm bảo được thời hạn thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đòi hỏi Thẩm phán phải chủ động thường xuyên kiểm soát các thủ tục, thời hạn thu thập chứng cứ được thực hiện đúng và nhanh chóng nhất có thể.

Mục đích của việc kiểm soát thời hạn cung cấp chứng cứ nhằm đảm bảo rằng các hoạt động diễn ra theo đúng quy định, phát hiện và điều chỉnh kịp thời các sai lệch từ đó nâng cao hiệu suất và hiệu quả trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Như vậy, muốn kiểm soát thời hạn cung cấp chứng cứ thì chúng ta phải biết được chứng cứ là gì, thời hạn quy định việc cung cấp chứng cứ đó được quy định như thế nào.

1. Các quy định của Bộ Luật Dân sự

Điều 93 quy định Chứng cứ: “ Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”

Điều 94 quy định Nguồn chứng cứ: “ Chứng cứ được thu thập từ các nguồn sau đây:

1. Tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử;
2. Vật chứng;

3. Lời khai của đương sự;
4. Lời khai của người làm chứng;
5. Kết luận giám định;
6. Biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ;
7. Kết quả định giá tài sản, thẩm định giá tài sản;
8. Văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập;
9. Văn bản công chứng, chứng thực;
10. Các nguồn khác mà pháp luật có quy định.”

Điều 106 Khoản 1 quy định “ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự **trong thời hạn 15 ngày**, kể từ ngày nhận được yêu cầu ; trường hợp không cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người có yêu cầu” và Khoản 3 quy định “ Cơ quan, tổ chức , cá nhân đang lưu giữ tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án **trong thời hạn 15 ngày**, kể từ ngày nhận được yêu cầu; hết thời hạn này mà không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án thì cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật

2.1 Thông qua nguồn chứng cứ nêu trên và qua thực tiễn xét xử, có thể nhận thấy (i) Lời khai của đương sự (ii) Lời khai của người làm chứng (iii) Biên bản ghi kết quả đương sự ; Các chứng cứ này được Tòa án trực tiếp thu thập bằng cách thức triệu tập đương sự hoặc trực tiếp thực hiện việc thẩm định tại nơi cần thiết , do đó, Tòa án chủ động về thời hạn lên lịch sắp xếp để thực hiện việc thu thập các chứng cứ nêu trên (nếu không phải thực hiện việc ủy thác) mà không phụ thuộc vào các yếu tố khách quan.

Vì sao Tác giả đặt yếu tố khách quan trong quá trình thu thập chứng cứ tại Tòa án, bởi lẽ, ngoài 03 nguồn chứng cứ vừa nêu trên {(i)(ii)(iii)} thì các nguồn chứng cứ còn lại, Tòa án phải thực hiện thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng nhiệm vụ thực hiện công việc cần thiết đó hoặc đang lưu giữ các tài liệu, chứng cứ cần thiết trong hồ sơ vụ tranh chấp.

Ví dụ 1: Vụ án Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản: Sự cần thiết phải giám định chữ ký của một trong các bên đương sự thì cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giám định này sẽ thực hiện khi có quyết định trưng cầu giám định của Tòa án, tuy nhiên thời hạn việc thực hiện việc giám định này phụ thuộc vào cơ quan chuyên môn, Tòa án không thể ấn định thời hạn hoặc yêu cầu các cơ quan chuyên môn này thực hiện trong một thời hạn nhất định nào đó.

Ví dụ 2: Vụ án Tranh chấp về quyền sở hữu nhà : Đối với việc thực hiện định giá tài sản, thẩm định giá tài sản cũng cần có Cơ quan tài chính và các cơ quan chuyên môn, trong trường hợp cần thiết, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản định giá được mời chứng kiến việc định giá. Hội đồng định giá chỉ tiến hành định giá khi có mặt đầy đủ các thành viên của Hội đồng (Điều 104 Khoản 4 BLTTDS). Như vậy, cho dù Tòa án đã ấn định một thời hạn cụ thể để Hội đồng định giá thực hiện công việc của mình nhưng chỉ cần thiếu một trong các thành viên của Hội đồng thì không thể thực hiện việc định giá.

Ví dụ 3 : Vụ án Tranh chấp về thừa kế: Một bên đương sự cho rằng, di chúc được lập và được công chứng là di chúc giả mạo, do vậy cần thiết phải thực hiện việc thu thập các tài liệu được lưu giữ tại tổ chức công chứng .

Ví dụ 4: Vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà: Sự cần thiết phải thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc mua bán nhà như bản vẽ hiện trạng, giấy phép xây dựng... do Văn phòng đăng ký đất đai đang quản lý lưu giữ. Mặc dù trong quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Tòa án đã nêu ra thời hạn cung cấp theo quy định của pháp luật là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, tuy nhiên việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ đang lưu giữ đó lại phụ thuộc vào việc các cơ quan, tổ chức lưu giữ đó có thể thực hiện được theo thời hạn đã nêu hay không, và trong thực tiễn xét xử, đa số đều không thể thực hiện theo đúng thời hạn.

2.2 Với các ví dụ nêu trên để cho thấy rằng việc thu thập chứng cứ của Tòa án hoặc việc cung cấp chứng cứ từ một bên khác ngoài Tòa án khó có thể thực hiện đúng thời hạn theo quy định của BLTTDS.

2.3 “Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu của Tòa án mà không có lý do chính đáng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Việc xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải là lý do miễn nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án” (Khoản 3 Điều 106 BLTTDS).

Trong thực tiễn xét xử của tác giả ,việc thực hiện biện pháp chế tài đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ như quy định nêu trên không có xảy ra, tuy nhiên theo tác giả, với quy định này không khả thi, bởi lẽ, khó có thể xác định được cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đó đang lưu giữ các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án yêu cầu cung cấp nhưng họ lại không cung cấp, nếu họ không cung cấp được thì luôn có lý do chính đáng là họ không có lưu giữ các tài liệu, chứng cứ đó. Vì vậy, quy định này nhằm răn đe và ngăn ngừa những ai có ý định không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

3. Kết luận

Quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ nhằm đảm bảo cho Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết tranh chấp phải thực hiện việc cung cấp trong một thời hạn nhất định, tránh việc kéo dài, chậm trễ làm ảnh hưởng đến thời hạn xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, hơn ai hết thì chính người trực tiếp giải quyết vụ án phải thường xuyên kiểm tra thời hạn thu thập chứng cứ đã qua hay chưa, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ chứng cứ có thực hiện theo yêu cầu của Tòa án hay chưa, trong trường hợp có sự chậm trễ trong việc cung cấp chứng cứ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì Tòa án cần có văn bản để nhắc lại, nếu cần thiết có thể tìm hiểu nguyên nhân vì sao không thể cung cấp chứng cứ trong thời hạn mà Tòa án yêu cầu, từ đó giữa Tòa án và cơ quan, tổ chức lưu giữ chứng cứ cùng nhau có giải pháp tốt nhất nhằm đảm bảo cho việc cung cấp chứng cứ trong thời hạn sớm nhất có thể./.

bị đơn là người chứng kiến, tham dự và hiểu rõ về sự thật khách quan hơn cả điều tra viên, luật sư buộc tội, luật sư gỡ tội và chính cả người phán xử.

Nhưng hoạt động tố tụng là hoạt động hướng về phán xử một hành vi, sự kiện trong quá khứ. Mỗi một sự kiện đều tác động thay đổi thế giới xung quanh và được ghi nhận, phản ánh ở đâu đó, trước khi bị một sự kiện khác xoá nhoà, thay đổi, ghi đè lên. Các nguồn phản ánh, ghi nhận lại các sự kiện khách quan được gọi là các nguồn chứng cứ.

Một chứng cứ thoả mãn một số tiêu chí, sẽ cần được người phán xử đánh giá làm cơ sở cho việc đi đến quyết định.

Nếu tuân thủ tuyệt đối yêu cầu này, thì các bên tham gia tố tụng có thể nộp chứng cứ bất kỳ lúc nào, vào thời điểm nào ví dụ, có sẵn bản di chúc từ lúc xét xử sơ thẩm, nhưng một bên chờ xét xử sơ thẩm xong, mới kháng cáo và nộp bổ sung chứng cứ di chúc. .

Tuy nhiên, nhấn mạnh một chiều tuyệt đối nguyên tắc này sẽ đi đến xung đột và mất cân xứng với nguyên tắc khác.

1.2. Công lý phải bảo đảm khía cạnh nhanh chóng, kịp thời

Một phán quyết phù hợp công lý sẽ trở nên vô nghĩa hoặc giảm giá trị, nếu nó được ban hành quá muộn, khi tất cả những người liên quan tranh chấp đều đã qua đời.

Mặt khác, mỗi một vụ án, như một nút thắt trong xã hội, hàng loạt vấn đề, hàng loạt các quan hệ xã hội khác bị treo vào trạng thái lơ lửng, chờ đợi kết quả đầu ra của vụ án để có thể quyết định hướng đi, lối ra của các vấn đề, quan hệ đó.

Nên các nền luật học, tố tụng văn minh đều ghi nhận một nguyên tắc, một yêu cầu rằng: công lý phải có tính nhanh chóng, bảo đảm tính kịp thời; và đối với tố tụng trọng tài thương mại còn phải bảo đảm tính hiệu quả về thời gian lẫn tiền bạc. Bằng án án lệ So Lange, Toà Công Lý Châu Âu đã nâng quyền tiếp cận nhanh chóng kịp thời thành quyền con người. Bởi vậy, một quy trình tố tụng hay một phán quyết không tuân thủ yêu cầu này có thể bị coi là vi phạm nhân quyền và bị vô hiệu hoá.

Xuất phát từ phương diện này, các bộ luật tố tụng, quy tắc tố tụng trọng tài đều đặt ra thời hiệu, thời hạn nộp một số tài liệu, bao gồm nộp chứng cứ, đồng thời trao quyền cho người

phán xử áp dụng một số chế tài, biện pháp bất lợi trừng phạt hành vi lạm dụng tố tụng¹, cản trở công lý².

Ví dụ, trong khi Luật Trọng Tài Thương Mại 2010 chưa nêu rõ về việc các đương sự cố tình nộp chậm các chứng cứ mà mình đã biết, đã hiểu rõ, thì Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự 2015, tại Điều 96.4, đã quy định về việc có quyền nộp và trình bày các chứng cứ nộp muộn:

“Thời hạn giao nộp tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc ấn định nhưng không được vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị giải quyết việc dân sự theo quy định của Bộ luật này.

*Trường hợp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự, đương sự mới cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã yêu cầu giao nộp nhưng đương sự không giao nộp được vì có lý do chính đáng thì đương sự phải chứng minh lý do của việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ đó. Đối với tài liệu, chứng cứ mà trước đó Tòa án không yêu cầu đương sự giao nộp hoặc tài liệu, chứng cứ mà đương sự không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm thì đương sự **có quyền giao nộp, trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, phiên họp** giải quyết việc dân sự hoặc các giai đoạn tố tụng tiếp theo của việc giải quyết vụ việc dân sự”.*

Tuy nhiên, nhấn mạnh tuyệt đối một chiều nguyên tắc này, sẽ xung đột với nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan và nếu không có cách hoá giải, sẽ tạo ra tình huống, tồn tại một bản án có hiệu lực pháp luật những rõ ràng trái với sự thật khách quan.

Bởi vậy, các nền tố tụng văn minh viện đến nguyên tắc thứ ba: bình an pháp luật để tìm ra điểm hài hoà giữa hai thái cực này.

1.3. Bình an pháp luật

Với nguyên tắc này, nhà lập pháp, nhà lập quy, các trung tâm trọng tài bắt đầu phải vận dụng để tìm ra điểm cân bằng, hài hoà giữa nguyên tắc nhanh chóng và nguyên tắc tôn trọng sự thật tới cùng. Và ở đây bắt đầu thể hiện vai trò của những người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc quản lý chứng cứ để tuân thủ đúng pháp luật.

¹ Ví dụ Điều 2.1 Pháp Lệnh Xử Phạt Vi Phạm Hành Chính Đối Với Hành Vi Cản Trở Hoạt Động Tố Tụng của Việt Nam năm 2022, qui định: “Hành vi cản trở hoạt động tố tụng bị xử phạt vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, cản trở hoạt động giải quyết vụ án, vụ việc của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của [Bộ luật Tố tụng hình sự](#), [Bộ luật Tố tụng dân sự](#), [Luật Tố tụng hành chính](#) mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.”

² Điều 70.25 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự Việt Nam 2015 quy định: “Sử dụng quyền của đương sự một cách thiên chí, không được lạm dụng để gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án, đương sự khác; trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu hậu quả do Bộ luật này quy định.”

*** Bài viết này chỉ thể hiện những ý kiến và quan điểm của chuyên gia độc lập và không có bất kỳ mối liên hệ hay có mục đích nhằm thể hiện ý kiến, quan điểm của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) hay cơ quan, tổ chức nào.

Nguyên tắc này bao gồm một số nội dung:

- (i) *Thứ nhất*, đưa ra khái niệm bản án, phán quyết có hiệu lực pháp luật. Khái niệm này tạo ra sự “bình an pháp luật tương đối”. Theo đó, bản án, phán quyết có hiệu lực pháp luật sẽ được thi hành và bất kỳ ai, hành động nào đặt niềm tin vào nó sẽ không bị xem là có lỗi. Điều này thể hiện rõ trong các quy định về bảo vệ niềm tin chính đáng của bên thứ ba ngay tình, ví dụ, xem Điều 133 Bộ Luật Dân Sự Việt Nam 2015.
- (ii) *Thứ hai*, bản án, phán quyết có hiệu lực là mốc để tính các quyền và nghĩa vụ phát sinh, ví dụ tiền lãi chậm thanh toán theo phán quyết; các chi phí phát sinh do không thi hành bản án, phán quyết kịp thời...
- (iii) *Thứ ba*, việc khiếu nại, kháng cáo... về cơ bản không làm dừng hiệu lực của bản án, phán quyết đã có hiệu lực pháp luật, cho tới khi có quyết định đảo ngược (nếu có); việc tạm dừng chỉ có thể xảy ra nếu tình huống thực thi có thể gây ra những hệ quả không thể đảo ngược.
- (iv) *Thứ tư*, việc xem xét lại một bản án, phán quyết có hiệu lực pháp luật, thường được các nhà luật học gọi là thủ tục phá án (cassation và khi đưa vào luật thực định thì mỗi văn bản lại có một thuật ngữ khác nhau và phân ra: tái thẩm và giám đốc thẩm, hay huỷ phán quyết trọng tài). Trong thủ tục phá án (cassation) này thì việc xuất hiện chứng cứ mới, chưa hề được biết trong các giai đoạn tố tụng trước đó và chứng cứ này có ý nghĩa quan trọng làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án sẽ là một căn cứ để mở thủ tục phá án.

2. Các chiến thuật của luật sư và các biện pháp hạn chế lạm dụng tố tụng

Trước năm 2015, Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự 2004 của Việt Nam, Điều 84 không quy định chặt chẽ như BLTTDS 2015 của Việt Nam Điều 96.4, nên một khi luật sư của một trong các bên tin rằng công cuộc “đốt lò” là hoàn toàn xác đáng, thì họ thường đặt giả thuyết là thẩm phán sơ thẩm không được các bên chọn trực tiếp, mà do chánh án phân công theo một cách nào đó có thể không khách quan vô tư, thì luật sư đó có thể chọn giữ lại một số chứng cứ chủ chốt để tung tại cấp phúc thẩm vì đôi khi tự họ đánh giá rằng: có khả năng tại cấp sơ thẩm họ sẽ bị thua kiện.

Với tố tụng trọng tài, không có cấp phúc thẩm, mà chỉ có một cấp duy nhất (sơ thẩm đồng thời chung thẩm) được các bên nhất trí cùng lựa chọn để có thể rút ngắn việc giải quyết tranh chấp phù hợp với đặc thù của hoạt động thương mại và nhu cầu của các bên khi lập thoả thuận trọng tài. Bởi vậy, ngay từ giai năm 2010, trong tố tụng trọng tài luật sư sẽ không tách ra việc nộp chứng cứ ở giai đoạn sơ thẩm và giai đoạn phúc.

Tuy nhiên, ngay cả khi luật pháp yêu cầu tất cả chứng cứ phải nộp hết trước phiên xử sau cùng, các luật sư, vì các lý do khác nhau vẫn có thể chọn các chiến thuật khác nhau khi nộp chứng cứ.

Có những luật sư bám theo câu hỏi chốt, vấn đề mấu chốt để trình bày luận điểm của mình, và đánh số hiệu các lập luận của mình như thể một luận án tiến sĩ, và kèm theo đó là các phụ lục chứng cứ được sắp xếp, đánh số vô cùng khoa học và nộp một lần bởi theo họ, khi đã xác định được vấn đề mấu chốt, thì chỉ có thể chứng đó vấn đề, chứng đó chứng cứ; trước phiên xử cuối thường số hoá toàn bộ tài liệu tố tụng thành một bundle rất văn minh, thuận tiện cho tất cả các bên tham gia tố tụng. Nhưng cũng có lúc, rơi vào các hoàn cảnh khác nhau, mục tiêu khác nhau, các luật sư chọn một vài chiến thuật khác biệt trong quản lý chứng cứ.

2.1. Chiến thuật nhỏ giọt

Nếu một bên tự mình dự báo rằng, xác suất mình thắng kiện là thấp, ví dụ tranh chấp hợp đồng mà hai bên đã ký xác nhận công nợ, cam kết lộ trình thanh toán. Vì việc kéo dài tố tụng, giúp cho thân chủ có thời gian xoay sở dòng tiền, thoát khỏi trạng thái phá sản có thể được các luật sư thông minh chọn làm chiến thuật trì hoãn.

Đan xen với rất nhiều đơn xin hoãn phiên họp, phiên xử; các đơn khiếu nại được chia nhỏ ra sẽ là các đợt nộp chứng cứ khác nhau khiến cho luật sư của đối tụng và ngay cả người phán xử khó lòng phác thảo các câu hỏi mấu chốt để có thể chuẩn bị tốt cho phiên họp, phiên xử nếu biết rằng sẽ có nhiều chứng cứ quan trọng chưa được nộp.

2.2. Chiến thuật DoS

Nếu các bên tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng không có khả năng nhanh chóng xác định được vấn đề mấu chốt, câu hỏi mấu chốt, thì đôi khi các luật sư thông minh sẽ sử dụng chiến thuật DoS.

Chiến thuật DoS này không nhằm vào các khe hở, điểm yếu về nội dung (merit) của đối tụng, mà đưa ra ồ ạt các yêu cầu, ví dụ thay vì nộp 300 trang tài liệu là đủ phản ánh đầy đủ bản chất vụ việc thì các bên có thể nộp lên tới 16.000 trang tài liệu, gấp hơn 50 lần tài liệu cần thiết. Trong khi người phán xử có thời gian 30 ngày để nghiên cứu kỹ tài liệu sau phiên xử cuối cùng, thì luật sư của Đối Tụng buộc lòng phải nghiên cứu kỹ tất cả số lượng tài liệu, chứng cứ khổng lồ này. Nên chiến thuật này rất giống chiến thuật mà các hacker sử dụng để tấn công các website, làm cho server và đường truyền quá tải, dẫn tới website tê liệt và từ chối cung cấp dịch vụ (Denial of Service).

Chiến thuật này sẽ gây ra tổn hao nguồn lực cho Đối Tụng, và đôi khi rất có lợi về mặt kinh tế cho các luật sư nếu luật sư tính phí theo giờ với thân chủ, hoặc thân chủ không có khả năng pháp lý nên chỉ đánh giá công sức vất vả, trí tuệ của luật sư thông qua độ dày của hồ sơ.

2.3. Chiến thuật mẹ Cám

Các chiến thuật quản lý chứng cứ trên đây có thể được các luật sư kết hợp với một chiến thuật khác gây bối rối cho luật sư của Đối Tụng.

Thay vì đưa ra một yêu cầu khởi kiện, một luận điểm phản bác nhất quán, thì các luật sư này chọn chiến thuật nộp nhiều văn bản chỉnh sửa; nhưng không làm rõ nội dung nào là nội dung mới; chứng cứ nào là chứng cứ mới; mà copy lại hầu hết nội dung của văn bản cũ; sắp xếp lại theo trật tự mới; chèn thêm một vài nội dung mới; nộp lẫn chứng cứ mới và chứng cứ cũ. Và thường kết thúc bằng câu văn: Xin bảo lưu tất cả những ý kiến, chứng cứ đã nộp trước đây không mâu thuẫn với văn bản này.

Các luật sư chọn chiến thuật này rất thông minh khi tính phí theo giờ, theo trang tài liệu với thân chủ, đồng thời đẩy luật sư của Đối Tụng vào thế phải “nhặt thóc ra khỏi gạo”, giống như mẹ Cám giao bài tập cho Tấm. Chiến thuật này làm tổn hao khá nhiều nguồn lực của luật sư Đối Tụng và tăng khối lượng công việc cho người phán xử.

Luật Trọng tài Thương mại của Việt Nam ban hành năm 2010 – cách đây gần 15 – không chỉ lạc hậu so với pháp luật của các quốc gia láng giềng có nền trọng tài mạnh như Singapore, Hong Kong và Trung Quốc Đại Lục mà nó còn lạc hậu so với chính Bộ Luật Dân Sự 2015 của Việt Nam (Điều 96.4) như đã nêu ở trên. Điều này dẫn tới trong thực tiễn tố tụng, có hội đồng trọng tài thiếu hiểu nguyên tắc thứ ba (nguyên tắc bình an pháp luật) và thiếu hiểu mối quan hệ giữa *lex specialis* và *lex generalis* và coi rằng các quy định tại Điều 96.4 Bộ Luật Dân sự Việt Nam 2015 là sự bổ trợ, bọc lót cho điểm thiếu vắng của Luật Trọng tài Thương mại Việt Nam 2010, từ đó áp dụng tương tự cho tố tụng trọng tài để hạn chế hành vi lạm dụng tố tụng; tuy nhiên cũng có hội đồng trọng tài lại dựa vào nguyên tắc thứ nhất (tôn trọng sự thất khách quan tối cùng) để tạo điều kiện cho các bên triển khai đầy đủ các chiến thuật trong quản lý chứng cứ, gây áp lực lên cho Đối Tụng.

Trong khi chờ Luật Trọng tài Thương mại được sửa đổi bổ sung, các trung tâm trọng tài cũng khôn khéo chỉnh sửa quy tắc tố tụng của mình để làm cho tố tụng trọng tài được nhanh chóng, hiệu quả, theo đúng nguyên tắc thứ hai.

Và trong lúc quy tắc tố tụng chưa chỉnh sửa, thì các trọng tài viên thường linh hoạt và dùng trí tuệ của mình để ban hành các hướng dẫn nộp chứng cứ, lịch biểu tố tụng bao gồm thúc đẩy

hai bên cùng thống nhất thời hạn chót cho việc nộp chứng cứ; trong một số trường hợp hội đồng có thể phát hành quyết định quy định về tố tụng chi tiết cho từng vụ việc (P01).

Tố tụng trọng tài vốn dựa trên sự tin tưởng lựa chọn của các bên, nên khác biệt với tố tụng tài toà án, ở chỗ phạm vi thoả thuận của các bên rất rộng, nên nếu hội đồng trọng tài thúc đẩy được hai bên thống nhất một số chi tiết về tố tụng, bao gồm các vấn đề về chứng cứ thì tố tụng sẽ diễn ra rất hiệu quả với sự hợp tác của tất cả các bên.

Dù với tư cách là luật sư hay người phán xử, việc xác định được các chứng cứ chủ chốt để hình thành chiến lược quản lý chứng cứ hiệu quả đòi hỏi người trong cuộc phải hiểu các khía cạnh kỹ thuật của công việc, dịch vụ liên quan tranh chấp ví dụ quy trình thiết kế một toà nhà, quy trình xin chứng nhận hợp chuẩn trong sản xuất dược phẩm... Điều này đòi hỏi luật sư và người phán xử phải tìm hiểu rộng ra ngoài các quy định pháp luật, các quy định trong hợp đồng, giống như điều tra viên phải hiểu về pháp y bên cạnh quy định về tố tụng hình sự.

Sau tất cả, nếu thiếu thiện chí trung thực, bộ quy tắc đạo đức hành nghề tố tụng trọng tài chặt chẽ, thì các luật sư thông minh vẫn đủ sức tung hoành gây áp lực lên cho tất cả các bên bằng các chiến thuật quản lý chứng cứ khôn ngoan của mình. Vì vậy các trung tâm trọng tài uy tín thường rất khắt khe tuyển chọn trọng tài viên và có các rào cản thông minh đối với các luật sư nằm trong danh sách đen của trung tâm đó.

ÁP DỤNG CHẾ TÀI NHẪM KIỂM SOÁT THỜI HẠN GIAO NỘP CHỨNG CỨ: SỰ CẦN THIẾT VÀ KHUYẾN NGHỊ ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Minh¹

Mai Trần Quốc Thiệu²

Tóm tắt: Những năm gần đây, khi số lượng các vụ tranh chấp yêu cầu giải quyết thông qua cơ chế trọng tài ngày càng gia tăng thì ngoài vấn đề pháp lý về quy tắc ứng xử của trọng tài viên, một vấn đề khác nan giải không kém là quy tắc ứng xử của các bên và đại diện/lawyer của các bên trong suốt tiến trình của vụ việc trọng tài. Đến nay, các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực trọng tài cũng như các quy tắc tổ tụng trọng tài của các trung tâm trọng tài tại nhiều nước trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đều bỏ ngỏ việc điều chỉnh cách hành xử của các bên và đại diện/lawyer của các bên trong tổ tụng trọng tài. Chính vì lỗ hổng pháp lý này mà nhiều vụ việc tổ tụng trọng tài bị rơi vào bế tắc hoặc kéo dài quá lâu so với thời hạn mà Hội đồng Trọng tài ấn định ban đầu. Đa số các trường hợp này là do bên không có thiện chí giải quyết vụ tranh chấp (thường là bên có nghĩa vụ hay có trách nhiệm bồi thường) cố tình trì hoãn việc giao nộp chứng cứ. Nhằm đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề này, bài viết của chúng tôi với tiêu đề “Áp dụng chế tài nhằm kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ: Sự cần thiết và khuyến nghị áp dụng tại Việt Nam” sẽ đi sâu vào phân tích sự cần thiết phải có những chế tài nhằm kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ và các chế tài cụ thể mà Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng để kiểm soát và điều tiết quá trình giao nộp chứng cứ. Sau đó, chúng tôi sẽ nêu ra những khuyến nghị về các giải pháp pháp lý có thể áp dụng cho Việt Nam.

1. Sự cần thiết của các chế tài nhằm kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ trong tổ tụng trọng tài

Việc kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ trong tổ tụng trọng tài là một phần trong việc Hội đồng Trọng tài đảm bảo nguyên tắc nỗ lực giải quyết tranh chấp hiệu quả và tiết kiệm, tránh phát sinh sự tốn kém về chi phí và thời gian cho các bên trong tranh chấp.³ Khi các bên tuân thủ thời hạn giao nộp chứng cứ, quá trình giải quyết vụ tranh chấp sẽ được diễn ra một cách minh bạch, công bằng, tránh được tình trạng một bên cố tình kéo dài vụ việc nhằm trì hoãn thời gian Hội đồng Trọng tài kết luận vụ việc và ban hành phán quyết (thường là bên bị đơn khi xác định khả năng cao sẽ bị thua kiện).

¹ Cố vấn cấp cao và Trưởng bộ phận Giải quyết tranh chấp của Công ty Luật TNHH ACS Legal Việt Nam.

² Trợ lý luật sư của Công ty Luật TNHH ACS Legal Việt Nam.

³ Điều 22.1 Quy tắc Trọng tài năm 2021 của Tòa trọng tài Phòng thương mại quốc tế (sau đây gọi là “Quy Tắc ICC”); Điều 14.1(ii) Quy tắc Trọng tài của Tòa án Trọng tài Quốc tế Luân Đôn năm 2020 (sau đây gọi là “Quy Tắc LCIA”); Điều 3.5(b) Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore năm 2025 (sau đây gọi là “Quy Tắc SIAC”); Điều 13.5 Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông (sau đây gọi là “Quy Tắc HKIAC”); Điều 38.5 Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam năm 2017 (sau đây gọi là “Quy Tắc VIAC”).

Điều này giúp cho Hội đồng Trọng tài có đầy đủ các thông tin cần thiết trong khoảng thời gian ngắn nhất để nhận định, đánh giá và giải quyết vụ việc.

Công cụ phổ biến mà các Hội đồng Trọng tài thường sử dụng để kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ là lịch biểu tố tụng (“**Procedural Timetable**” hay “**Lịch Biểu Tố Tụng**”) hoặc các quyết định về thủ tục tố tụng (“**Procedural Order**” hay “**Quyết Định Về Thủ Tục**”).⁴ Thông qua các quyết định này, Hội đồng Trọng tài có thể ấn định các mốc thời gian cụ thể để yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ liên quan, kịp thời điều chỉnh Lịch Biểu Tố Tụng khi có tình huống mới phát sinh và đưa ra biện pháp xử lý đối với các hành vi không tuân thủ của các bên. Việc áp dụng các Quyết Định Về Thủ Tục hay Lịch Biểu Tố Tụng không chỉ giúp duy trì trật tự tố tụng mà còn tạo điều kiện để các bên thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình một cách có hệ thống, công bằng vì các bên đều có khoảng thời gian như nhau để nộp các tài liệu được yêu cầu.

Có một số trường hợp ngoại lệ mà Hội đồng Trọng tài sẽ xem xét chấp nhận các chứng cứ nộp chậm của một bên. Khi đó, Hội đồng Trọng tài có thể cân nhắc dựa trên tính chất của chứng cứ nộp chậm, mức độ ảnh hưởng của việc chậm trễ đến các mốc thời gian đặt ra trong Lịch Biểu Tố Tụng, cũng như lý do mà bên giao nộp đưa ra để quyết định có chấp nhận hay không việc đưa chứng cứ này vào hồ sơ tranh chấp. Nếu việc giao nộp chậm không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình tố tụng và quyền lợi của bên đối lập, Hội đồng Trọng tài có thể linh hoạt xem xét chứng cứ này nhằm đảm bảo nguyên tắc về quyền được “lắng nghe” (right to be heard) và tính khách quan, toàn diện trong quá trình giải quyết tranh chấp⁵. Tuy nhiên, việc giao nộp chậm chứng cứ hoặc nộp chứng cứ mới sau thời hạn được Hội đồng Trọng tài ấn định thường có thể sẽ phải đối mặt với rủi ro là Hội đồng Trọng tài sẽ không xem xét chứng cứ đó⁶ và kèm theo một số chế tài cho bên chậm nộp vì đã vi phạm thời hạn được Hội đồng Trọng tài ấn định.

2. Các chế tài nhằm kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ

Trong trọng tài quốc tế, như đã đề cập ở trên, việc kiểm soát thời hạn giao nộp chứng cứ là một yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo tính hiệu quả và công bằng của quá trình tố tụng. Hội đồng Trọng

⁴ Các quyết định về thủ tục tố tụng (Procedural Order) thường được đánh số thứ tự để dễ phân biệt vì trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể phải ban hành nhiều hơn một quyết định về thủ tục tố tụng nhằm điều chỉnh lại hoặc ấn định mới các thời hạn nộp các bản đệ trình, tài liệu và chứng cứ theo thực tiễn diễn biến của việc giải quyết tranh chấp. Ví dụ như Procedural Order No.1, Procedural Order No.2, ...

⁵ Đoạn 74 Mục 13(a) của Bản ghi chú của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) về tổ chức tố tụng trọng tài.

⁶ R Pietrowski, ‘Evidence in International Arbitration’, Tạp chí Arbitration International (2006), Tập 22, trang 399-400. Nguyên văn của tác giả ghi rằng: “But just as the tribunal has discretion to admit evidence submitted out of time, it has discretion to exclude such evidence, and a party who produces evidence beyond the prescribed time limit runs the risk that the tribunal will refuse to accept the evidence unless good cause is shown for the late production.”

tài có quyền áp dụng nhiều biện pháp chế tài đối với bên vi phạm, tùy theo mức độ ảnh hưởng của hành vi chậm trễ.

Chế tài đầu tiên và cũng là chế tài “nhẹ nhàng” nhất đối với bên vi phạm là gửi văn bản khiển trách hoặc cảnh cáo cho bên vi phạm.⁷ Đây là biện pháp chế tài chủ yếu mang tính nhắc nhở các bên về nghĩa vụ tuân thủ thời hạn giao nộp chứng cứ cho Hội đồng Trọng tài. Trên thực tế, Hội đồng Trọng tài có thể ghi nhận hành vi vi phạm trong một Quyết Định Về Thủ Tục hoặc một thư điện tử chính thức gửi đến các bên. Mặc dù có thể chế tài này không ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả vụ tranh chấp, tuy nhiên, nó có thể tác động lớn đến uy tín của bên có hành vi vi phạm, đặc biệt là trong các vụ tranh chấp có giá trị lớn, có tính chất phức tạp cao, hoặc trong các vụ tranh chấp xuyên biên giới giữa các doanh nghiệp đa quốc gia hoặc giữa nhà đầu tư và nhà nước.

Chế tài thứ hai mà Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng là quyết định phân bổ chi phí trọng tài bất lợi cho bên vi phạm. Đây là một chế tài phổ biến trong trọng tài quốc tế bởi vì đa số các quy tắc tố tụng của các trung tâm trọng tài nổi tiếng trên thế giới đều trao cho Hội đồng Trọng tài thẩm quyền tuyệt đối để phân bổ chi phí trọng tài. Cụ thể, một bên có thể bị buộc chịu phần lớn hoặc toàn bộ chi phí trọng tài nếu hành vi chậm trễ cung cấp chứng cứ dẫn đến việc kéo dài quá trình tố tụng một cách không cần thiết hoặc thể hiện sự thiếu tôn trọng của bên vi phạm đối với Hội đồng Trọng tài. Điều 38.5 Quy Tắc ICC cho phép Hội đồng Trọng tài quyết định phân bổ chi phí dựa trên việc xem xét nhiều yếu tố có liên quan, trong đó có yếu tố về việc bên nào đã tham gia tiến hành tố tụng trọng tài một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.⁸ Điều 28.4 Quy Tắc LCIA cho phép Hội đồng Trọng tài xem xét phân bổ chi phí trọng tài cho các bên dựa trên việc xem xét yếu tố về sự hợp tác của các bên để quá trình tố tụng diễn ra đúng thời hạn và tiết kiệm hoặc sự bất hợp tác do cố tình trì hoãn của một bên.⁹ Chế tài này trao cho Hội đồng Trọng tài thẩm quyền tuyệt đối để tự cân nhắc và đánh giá

⁷ Điều 18.6 Quy tắc LCIA; Điều 26(a) Hướng dẫn của Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA) về đại diện các bên trong trọng tài quốc tế.

⁸ Nguyên văn Điều 38.5 Quy Tắc ICC như sau: “*In making decisions as to costs, the arbitral tribunal may take into account such circumstances as it considers relevant, including the extent to which each party has conducted the arbitration in an expeditious and cost-effective manner.*”

⁹ Nguyên văn Điều 28.4 Quy tắc LCIA như sau: “*The Arbitral Tribunal shall make its decisions on both Arbitration Costs and Legal Costs on the general principle that costs should reflect the parties’ relative success and failure in the award or arbitration or under different issues, except where it appears to the Arbitral Tribunal that in the circumstances the application of such a general principle would be inappropriate under the Arbitration Agreement or otherwise. The Arbitral Tribunal may also take into account the conduct of the parties and that of their authorised representatives in the arbitration, including any cooperation in facilitating the proceedings as to time and cost and any non-cooperation resulting in undue delay and unnecessary expense. Any decision on costs by the Arbitral Tribunal shall be made with reasons in the order or award containing such decision (unless it is a Consent Award).*”

các yếu tố có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn như sự thiện chí, sự chuyên nghiệp, tuân thủ của các bên, ... trước khi ấn định việc phân bổ chi phí trọng tài trong phán quyết.¹⁰

Chế tài thứ ba đó là từ chối xem xét chứng cứ nộp trễ. Theo nguyên tắc, các bên đã đồng ý về thời hạn giao nộp chứng cứ theo Lịch Biểu Tổ Tụng hoặc Quyết Định Về Thủ Tục trước đó thì nếu một bên sau thời hạn này mới giao nộp chứng cứ, thì Hội đồng Trọng tài có quyền từ chối xem xét chứng cứ nộp trễ này để đảm bảo quá trình giải quyết tranh chấp được hiệu quả.¹¹ Căn cứ theo Điều 30.3 Quy tắc tổ tụng trọng tài của Ủy ban Pháp luật Thương mại Quốc tế Liên Hiệp Quốc (“**Quy tắc UNCITRAL**”) thì nếu một bên chậm giao nộp chứng cứ theo thời hạn đã được ấn định thì Hội đồng Trọng tài có quyền ban hành phán quyết dựa trên việc chỉ xem xét các chứng cứ đã nộp đúng hạn trước đó.¹² Theo đoạn 74 Mục 13(a) của Bản ghi chú của UNCITRAL về việc tổ chức tổ tụng trọng tài (UNCITRAL Notes on Organizing Arbitral Proceedings) năm 2016 thì Hội đồng Trọng tài khi xem xét liệu rằng có chấp nhận việc nộp chứng cứ trễ của một bên hay không thì sẽ cân nhắc đến sự hiệu quả của tiến trình tổ tụng, trong đó có việc xem xét từ chối nhận các chứng cứ nộp trễ dựa trên lợi ích chính đáng của các bên.¹³ Nếu chứng cứ bị từ chối xem xét, bên nộp chậm có thể mất đi cơ hội chứng minh yêu cầu hoặc phản bác lập luận của bên đối lập. Từ đó, Hội đồng Trọng tài sẽ chỉ dựa trên các chứng cứ được cung cấp trước đó để đưa ra quyết định có thể gây bất lợi cho bên chậm nộp chứng cứ. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài thường chỉ áp dụng biện pháp này khi bên vi phạm không đưa ra được lý do hợp lý cho sự chậm trễ, hoặc khi việc chấp nhận chứng cứ muộn có thể gây bất công quá lớn cho bên còn lại.

Ngoài các chế tài nêu trên, đối với một số trường hợp đặc biệt, việc nộp chậm các bản đệ trình hay chứng cứ có thể dẫn đến những hậu quả pháp lý khác. Ví dụ việc nộp chậm đơn khởi kiện tại SIAC có thể dẫn đến việc Hội đồng Trọng tài ra quyết định về việc chấm dứt vụ việc trọng tài.¹⁴

¹⁰ Xem thêm Điều 58.1 Quy Tắc SIAC; Điều 34.4 Quy Tắc HKIAC; Điều 26(c) Hướng dẫn của Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA) về đại diện các bên trong trọng tài quốc tế; Điều 82 của Hướng dẫn của ICC về kiểm soát thời gian và chi phí trong trọng tài.

¹¹ Aleksander Godhe “*Tribunal duties and the exclusion of evidence in international arbitration: the tug-of-war of fairness and efficiency*” Arbitration International, Oxford University Press, 2024, trang 5. Xem thêm Điều 26(b) Hướng dẫn của Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA) về đại diện các bên trong trọng tài quốc tế.

¹² Nguyên văn Điều 30.3 Quy tắc tổ tụng trọng tài UNCITRAL: “*If a party, duly invited by the arbitral tribunal to produce documents, exhibits or other evidence, fails to do so within the established period of time, without showing sufficient cause for such failure, the arbitral tribunal may make the award on the evidence before it*”.

¹³ Nguyên văn đoạn 74 Mục 13(a) của Bản ghi chú của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế về tổ chức tổ tụng trọng tài như sau: “*The arbitral tribunal may clarify the consequences of late submissions of evidence and how it intends to deal with requests to accept late submissions. It may require a party seeking to submit evidence after the time limit to provide reasons for the delay. The arbitral tribunal, in determining whether to accept late submissions, would need to consider the procedural efficiency achieved by refusing late submissions, the possible usefulness of accepting them, and the interests of the parties (for example, providing the other party an opportunity to comment or submit its own further evidence in response to the late submission).*”

¹⁴ Điều 44.1 Quy Tắc SIAC.

3. Khuyến nghị áp dụng tại Việt Nam

Để nâng cao tính ràng buộc của thời hạn giao nộp chứng cứ, trong lần sửa đổi Luật Trọng tài thương mại sắp tới, Việt Nam cần bổ sung thêm các quy định minh thị, rõ ràng hơn về thẩm quyền áp dụng các chế tài đối với bên vi phạm của Hội đồng Trọng tài. Hiện tại, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 chỉ quy định việc Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ, chứ chưa có quy định về các chế tài mà Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng nếu một bên chậm nộp chứng cứ theo thời hạn đã được ấn định. Luật Trọng tài thương mại sửa đổi nên quy định vấn đề này theo hướng trao quyền cho Hội đồng Trọng tài xem xét áp dụng chế tài phù hợp với tình huống phát sinh trong vụ tranh chấp đang giải quyết. Các chế tài này có thể bao gồm quy định cho phép Hội đồng Trọng tài không chấp nhận chứng cứ nộp muộn (trừ khi bên nộp chứng cứ muộn có lý do chính đáng và chứng minh được sự tồn tại của lý do đó), hoặc quy định cho phép Hội đồng Trọng tài được quyền khuyến nghị đoàn luật sư (nơi luật sư thành viên có hành vi cố ý vi phạm quy tắc tố tụng trọng tài) áp dụng các biện pháp xử lý kỷ luật phù hợp với luật sư vi phạm.

Bên cạnh đó, các trung tâm trọng tài tại Việt Nam cũng cần xem xét bổ sung vào quy tắc trọng tài theo hướng quy định cụ thể hơn về thời hạn giao nộp chứng cứ và chế tài áp dụng đối với hành vi vi phạm. Hiện nay, nhiều trung tâm trọng tài quốc tế lớn như ICC, LCIA hay SIAC đã đưa vào Quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm mình các điều khoản chi tiết về trách nhiệm của các bên trong việc tuân thủ thời hạn tố tụng, đồng thời trao quyền cho Hội đồng Trọng tài áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp khi có hành vi trì hoãn không chính đáng. Do đó, các trung tâm trọng tài tại Việt Nam có thể bổ sung quy định rõ ràng về quyền của Hội đồng Trọng tài về việc từ chối chứng cứ nộp trễ, áp dụng cơ chế phân bổ chi phí bất lợi cho bên vi phạm, cũng như quy trình xem xét lý do chậm trễ nhằm tạo ra khung pháp lý minh bạch, nhất quán và phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc sửa đổi này không chỉ giúp nâng cao tính chuyên nghiệp của hệ thống tố tụng trọng tài tại Việt Nam mà còn củng cố niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư khi lựa chọn hình thức tố tụng trọng tài tại Việt Nam làm phương thức giải quyết tranh chấp.

Ngoài việc sửa đổi Quy tắc tố tụng trọng tài, các trung tâm trọng tài tại Việt Nam cũng có thể ban hành bộ quy tắc hướng dẫn ứng xử của các bên và đại diện/luat sư của các bên trong quá trình tố tụng trọng tài. Việc ban hành một bộ quy tắc ứng xử của các bên và đại diện/luat sư của các bên là cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của trọng tài một cách chuyên nghiệp, minh bạch và công bằng. Trước khi các trung tâm trọng tài tại Việt Nam ban hành bộ quy tắc này thì các Hội đồng Trọng tài nên khuyến nghị các bên trong tranh chấp đồng ý sử dụng các “quy định mềm”, ví dụ Hướng dẫn của Hiệp hội Luật sư Quốc tế về thu thập và đánh giá chứng cứ trong trọng tài quốc tế, và Hướng dẫn của Hiệp hội Luật sư Quốc tế về đại diện các bên trong trọng tài quốc tế, như là một phần của luật thủ tục để điều chỉnh quá trình tố tụng trọng tài.

4. Kết luận

Việc vắng bóng các quy định điều chỉnh quy tắc ứng xử của các bên và đại diện/luat sư của các bên trong tổ tụng trọng tài đang làm suy yếu những đặc tính vốn là ưu điểm của cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài. Vì không có trong tay quyền lực công như tòa án, Hội đồng Trọng tài gặp phải rất nhiều thách thức trong giai đoạn thu thập chứng cứ và thường rơi vào trạng thái tiến thoái lưỡng nan khi gặp phải một bên tranh chấp không hợp tác hoặc không có thiện chí giải quyết vụ tranh chấp (thường là bên có nghĩa vụ hay có trách nhiệm bồi thường). Để Hội đồng Trọng tài bảo vệ được các giá trị cốt lõi của tổ tụng trọng tài là giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng và hiệu quả, Hội đồng Trọng tài cần có sự trợ giúp của các công cụ pháp lý được tích hợp sẵn trong luật thủ tục, bao gồm luật trọng tài của địa điểm giải quyết tranh chấp và quy tắc tổ tụng trọng tài. Trong thời gian tới, khi sửa đổi Luật Trọng tài thương mại, Việt Nam cần lưu ý bổ sung thêm các chế tài để Hội đồng Trọng tài có thể kiểm soát và điều tiết quá trình giao nộp chứng cứ một cách hiệu quả. Các chế tài này có thể bao gồm quy định cho phép Hội đồng Trọng tài không chấp nhận chứng cứ nộp muộn (trừ khi bên nộp chứng cứ muộn có lý do chính đáng và chứng minh được sự tồn tại của lý do đó), hoặc quy định cho phép Hội đồng Trọng tài được quyền khuyến nghị đoàn luật sư (là tổ chức xã hội-ngề nghiệp quản lý luật sư thành viên có hành vi cố ý vi phạm quy tắc tổ tụng trọng tài) áp dụng các biện pháp xử lý kỷ luật phù hợp với luật sư vi phạm.